

Số: 59 /TTr-UBND

Long An, ngày 12 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Long An

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua bổ sung danh mục dự án về chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Long An năm 2018; cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết bổ sung danh mục

Đảm bảo điều kiện thu hồi đất để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

Đảm bảo điều kiện thực hiện các thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

Theo đề nghị của UBND các huyện, thị xã, thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Long An.

II. Căn cứ pháp lý lập và phê duyệt danh mục

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất Đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

III. Nội dung của danh mục

1. Đối với danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp với diện tích là **100,531** ha với 56 dự án: trong đó gồm 23 dự án đầu tư công với

diện tích 34,211 ha; 30 dự án của tổ chức kinh tế với diện tích 66,029 ha và 03 công trình tôn giáo với diện tích 0,291 ha (*chi tiết có Phụ lục I kèm theo*).

Về quy hoạch: các dự án trên phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Việc chuyển mục đích sử dụng diện tích từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp đối với các dự án nêu trên không ảnh hưởng đến diện tích quy hoạch đất trồng lúa của tỉnh Long An đến năm 2020 được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 07/5/2018 (diện tích đất lúa theo quy hoạch được duyệt là 247.061 ha; Tổng hiện trạng sử dụng đất trồng lúa (sau khi trừ phần diện tích các dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa đã được Thủ tướng Chính phủ có văn bản cho phép chuyển mục đích và HĐND tỉnh có Nghị quyết đến nay) khoảng 264.700 ha, do đó còn lại 17.639 ha so với quy hoạch đất trồng lúa để bố trí cho việc chuyển sang mục đích khác).

2. Đối với bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất với tổng diện tích đất cần thu hồi là **311,089** ha và tổng kinh phí cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng dự kiến là 1.837,230 tỷ đồng, trong đó: tổng mức ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng là **56,170** tỷ đồng (nguồn vốn TW là 1,000 tỷ đồng; tỉnh là 19,300 tỷ đồng; huyện là 35,870 tỷ đồng); phần ngoài ngân sách là vốn doanh nghiệp, vận động là 1.781,060 tỷ đồng (*chi tiết có Phụ lục II, III kèm theo*).

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX kỳ họp lần thứ 10 xem xét, thông qua và có Nghị quyết bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và danh mục các dự án cần thu hồi đất trên địa bàn tỉnh năm 2018, làm cơ sở để UBND tỉnh triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Đại biểu HĐND tỉnh;
 - TT. Ủy ban MTTQVN tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Các sở, ngành tỉnh;
 - UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
 - Phòng KT + TH-KSTTHC;
 - Lưu: VT, STNMT, Quoc.
- TT_{tr}_HDND CMD+THUHOIDAT T7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Trần Văn Cần

Phụ lục I

DANH MỤC DỰ ÁN CÓ ĐẤT LÚA ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG NĂM 2018 CỦA TỈNH LONG AN

(kèm theo Tờ trình ⁵⁹...../TTr-UBND ngày ~~2~~.../6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Tên Cá nhân, tổ chức	Dự án đầu tư	Xã, TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	QĐ chủ trương đầu tư	Ghi chú
I	Thành phố Tân An			11.750	11.170		
1	Công ty TNHH xăng dầu Gia Châu	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	Hướng Thọ Phú	0.250	0.120	QĐ số 714/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
2	UBND phường Khánh Hậu	Trụ sở UBND phường	Khánh Hậu	1.500	1.500	CV số 5442/UBND-KT ngày 31/11/2017 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
3	Công ty CP ĐT HT KCN và ĐT Long An	Khu dân cư	Lợi Bình Nhơn	10.000	9.550	QĐ số 1048/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
II	Thị xã Kiến Tường			2.790	2.490		
1	UBND xã Bình Hiệp	Mở rộng chốt dân quân xã Bình Hiệp	Bình Hiệp	1.000	0.700	QĐ số 4222/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND thị xã Kiến Tường	Chưa triển khai
2	UBND thị xã Kiến Tường	Đường cấp trường THPT Kiến Tường	Phường 1	0.690	0.690	QĐ số 732/QĐ-UBND ngày 28/02/2013 của UBND huyện Mộc Hóa	Chưa triển khai
3	UBND xã Thạnh Trị	Mở rộng chốt dân quân xã Thạnh Trị	Thạnh Trị	1.100	1.100	QĐ số 4221/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND thị xã Kiến Tường	Chưa triển khai
III	Huyện Bến Lức			4.149	4.143		
1	Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam	Các lộ ra 110 KV trạm biến áp 220KV Bến Lức	Nhựt Chánh, Thạnh Đức	0.421	0.415	CV số 3274/UBND-KT ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh	Chưa triển khai

2	Công ty Cổ phần Nam Long	Khu đô thị mới Vàm Cỏ Đông	An Thạnh	3.453	3.453	CV số 3821/UBND-KT ngày 20/9/2004; CV số 2892/UBND-KT ngày 18/7/2005 và CV số 3426/UBND-KT ngày 14/10/2011 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
3	Công ty TNHH ĐT và XD Phúc Long	Khu Công nghiệp Phúc Long	Long Hiệp	0.275	0.275	CV số 794/UBND-KT ngày 23/3/2009 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
IV	Huyện Cần Đước			14.537	13.527		
1	Công ty TNHH Nhật Nam Ô tô	Trung tâm thương mại- dịch vụ	TT Cần Đước	1.490	1.400	QĐ số 738/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh	Đã san lấp khoảng tháng 12/2016; đã xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; kiểm điểm trách nhiệm địa phương
2	Công ty TNHH SX TM nhựa Cẩm Thành	Khu trưng bày sản phẩm; kho vận LoGistics	Tân Trạch - Mỹ Lệ	10.000	9.500	QĐ số 1646/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
3	Mở rộng trường Tiểu học Tân Chánh 1	Trường học	Tân Chánh	0.670	0.600	QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện	Chưa triển khai
4	Mở rộng trường Mẫu giáo Tân Trạch	Trường học	Tân Trạch	0.117	0.117	QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện	Chưa triển khai
5	Mở rộng trường Mẫu giáo Long Định	Trường học	Long Định	0.800	0.650	QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện	Chưa triển khai
6	Trường Trung học cơ sở Mỹ Lệ	Trường học	Mỹ Lệ	0.891	0.891	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ	Cấp giấy
7	Đàn Chiêu Minh thị trấn Cần Đước	Cơ sở tôn giáo	TT Cần Đước	0.170	0.170	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ	Cấp giấy

8	Đường giao thông đoạn từ Bến phà Long Cang đến ĐT 830B (dự án nâng cấp ĐT 833B)	Đường giao thông	Long Cang	0.400	0.200	QĐ 1223/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
V	Huyện Cần Giuộc			2.085	1.520		
1	Công ty CP khai thác và quản lý KCN Đặng Quỳnh	Khu tái định cư	Tân Kim	0.968	0.968	CV số 1899/UBND-KT ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
2	Trường THCS Nguyễn Văn Chính	Trường học	Phước Lý	0.431	0.431	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ	Cấp giấy
3	Thiền viện Bửu Minh	Cơ sở tôn giáo	Phước Lý	0.250	0.027	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ	Cấp giấy
4	Chùa Bồ Đề	Cơ sở tôn giáo	Tân Kim	0.436	0.094	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ	Cấp giấy
VI	Huyện Châu Thành			10.824	10.606		
1	Nhà kho chứa thanh long Nguyễn Thị Cội	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Thanh Phú Long	0.043	0.001	QĐ 3000/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 UBND tỉnh	Đã xây dựng và hoạt động (năm 2016), có xử phạt vi phạm hành chính (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
2	Cơ sở thu mua thanh long Thanh Châu 2	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Hiệp Thạnh	0.081	0.081	QĐ 2577/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 UBND tỉnh	Đã xây dựng và hoạt động (tháng 2/2017), có xử phạt vi phạm hành chính (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
3	Cơ sở thu mua thanh long Rạng Đông	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Phú Ngãi Trị	0.272	0.272	QĐ 2060/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 UBND tỉnh	Đã xây dựng và hoạt động (năm 2016), có xử phạt vi phạm hành chính (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương

4	Kho mua bán trái thanh long Hà Trung Thuận	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Long Trì	0.300	0.300	QĐ 3388/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 UBND tỉnh	Đã xây dựng và hoạt động (năm 2016), có xử phạt vi phạm hành chính (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
5	Cơ sở thu mua thanh long Hưng Đạt	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Xã Long Trì	0.091	0.091	QĐ 3269/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 UBND tỉnh	Đã xây dựng và hoạt động (năm 2016), có xử phạt vi phạm hành chính (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
6	Cơ sở thu mua và đóng gói thanh long Nguyễn Văn Lý	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Thanh Phú Long	0.448	0.271	QĐ 746/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 UBND tỉnh	Đã xây dựng và hoạt động (năm 2014), có xử phạt vi phạm hành chính (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
7	Cơ sở thu mua thanh long Hòa Thuận	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Dương Xuân Hội	0.139	0.139	QĐ 740/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 UBND tỉnh	Đã xây dựng và hoạt động (năm 2015), có xử phạt vi phạm hành chính (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
8	Cơ sở thu mua thanh long Đoàn Thị Ngon	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Hiệp Thạnh	0.101	0.101	QĐ 739/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 UBND tỉnh	Chưa triển khai
9	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Khu dân cư, chỉnh trang đô thị TT Tầm Vu	TT Tầm Vu, Hiệp Thạnh	9.350	9.350	CV số 4821/UBND-KT ngày 20/10/2017 UBND tỉnh	Chưa triển khai
VII	Huyện Đức Hòa			62.740	19.188		
1	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	Cụm Công nghiệp	Đức Hòa Đông	1.740	0.660	QĐ số 4733/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh	Chưa san lấp
2	Công ty CP BĐS Hiền Vinh Long An	Khu dân cư	Đức Hòa Đông	3.500	3.200	QĐ số 3999/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh	Đã san lấp, xây dựng và xử phạt (ĐĐ, XD); kiểm điểm trách nhiệm địa phương

3	Công ty CP đầu tư Amic	Khu công nghiệp	Mỹ Hạnh Bắc	19.990	0.520	CV số 703/CV-UB ngày 20/02/2004 của UBND tỉnh (diện tích 301 ha)	Phần diện tích này công ty đã bồi thường xong, đang làm thủ tục thủ tục đất đai, phần diện tích còn lại đã hoàn thành thủ tục theo quy định
4	Trần Bội Anh	Khu dân cư	TT Đức Hòa	1.050	1.050	QĐ số 4346/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh	Đã san lấp và xử phạt (ĐĐ); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
5	Ông Võ Tấn Tài	Khu dân cư	TT Đức Hòa	2.910	2.700	QĐ số 4135/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh	Đã san lấp và xử phạt (ĐĐ); kiểm điểm trách nhiệm địa phương
6	Công ty TNHH DVTM BĐS Lâm Thành	Cửa hàng kinh doanh thiết bị công nghiệp	Hựu Thạnh	0.650	0.650	QĐ số 3568/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh	Chưa san lấp
7	Công ty CP địa ốc Hồng Phát	KDC cao cấp + Trường đua ngựa	Đức Lập Thượng	15.300	3.650	CV số 1551/CV-UB ngày 22/04/2003 của UBND tỉnh	Chưa san lấp
8	Công ty TNHH đầu tư phát triển Long An Tiên Cảnh	Nghĩa trang	Mỹ Hạnh Bắc	5.000	0.400	QĐ số 5139/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh	Chưa san lấp
9	Công ty TNHH CN TM Tường Phong	Mở rộng nhà xưởng sản xuất đinh, ốc vít, đế giày, lắp ráp xe máy	Đức Hòa Hạ	6.000	0.358	QĐ số 4724/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh	Đã san lấp, xây dựng năm 2004
10	Công ty CP ĐT Quốc tế C.S.Q	Khai thác đất san lấp	Tân Mỹ	6.600	6.000	GPKT số 03/GP-UBND ngày 11/01/2018	Đã khai thác một phần (theo chủ trương cho phép vừa khai thác vừa lập thủ tục tại CV số 649/UBND-KT ngày 25/02/2015)
VIII Huyện Đức Huệ				44.440	4.210		
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đạt Thành Long An	Khai thác khoáng sản sét gạch ngói	Mỹ Thạnh Tây	37.000	1.800	GPKT số 2338/GP-UBND ngày 22/7/2011 của UBND tỉnh	Đã khai thác năm 2011 (diện tích khoảng 1,36 ha)

2	Công ty TNHH Đại Đại Thành Phát	Khai thác khoáng sản đất san lấp	Mỹ Thạnh Đông	7.440	2.410	GPKT số 156/GP-UBND ngày 14/01/2015 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
IX	Huyện Mộc Hóa			0.063	0.063		
1	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Hòa Hiệp	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp	Bình Hòa Tây	0.063	0.063	Quyết định số 2266/QĐ- UBND ngày 11/10/2017 của UBND huyện Mộc Hóa	Chưa triển khai
X	Huyện Tân Hưng			17.813	13.313		
1	UBND huyện Tân Hưng	Đê lộ bờ Tây ấp 1/5 xã Vĩnh Châu A	Vĩnh Châu A	0.251	0.251	QĐ số 1494/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND huyện	Chưa triển khai
2	UBND huyện Tân Hưng	Đường Tuần tra biên giới tỉnh Long An giai đoạn 2017-2020 huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Đức Huệ và thị xã Kiến Tường (đoạn xã Hưng Điền - Tân Hưng)	Hưng Điền	0.888	0.267	QĐ số 1433/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
3	UBND huyện Tân Hưng	Đất thiết chế thể thao Vĩnh Châu B (Sân bóng đá)	Vĩnh Châu B	2.000	2.000	QĐ số 423/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện	Chưa triển khai
4	UBND huyện Tân Hưng	Đất thiết chế thể thao Vĩnh Đại (Sân bóng đá)	Vĩnh Đại	1.500	1.500	QĐ số 416/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND huyện	Chưa triển khai
5	UBND huyện Tân Hưng	Mở rộng nghĩa trang nhân dân liên xã Vĩnh Đại - Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu A	Vĩnh Đại, Vĩnh Lợi	4.159	4.159	QĐ số 421/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND huyện	Chưa triển khai
6	UBND huyện Tân Hưng	Mở rộng khu dân cư dành cho các hộ dân kinh doanh có điều kiện	Vĩnh Thạnh, TT Tân Hưng	9.015	5.135	QĐ số 422/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện	Chưa triển khai
XI	Huyện Tân Thạnh			3.333	3.333		

1	Trường trung học phổ thông Hậu Thạnh Đông	Xây dựng mới Trường THPT Hậu Thạnh Đông	Hậu Thạnh Đông	3.100	3.100	CV số 5065/UBND-KT ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
2	Trường Tiểu học Nhơn Hòa Lập A	Mở rộng Trường Tiểu học Nhơn Hòa Lập A	Nhơn Hòa Lập	0.233	0.233	QĐ số 123/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND huyện	Chưa triển khai
XII	Huyện Thạnh Hóa			24.010	14.970		
1	DNTN XD Thu Ngân	Khai thác đất san lấp và sét gạch ngói	Thạnh An	14.000	5.700	QĐ số 3817/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh	Đã khai thác khoảng 4 ha (cho khai thác trước 2 ha); đã xử phạt vi phạm hành chính và kiểm điểm trách nhiệm. Do dự án sau Nghị định 158/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/11/2016 (có hiệu lực ngày 15/01/2017) nên phải có chủ trương đầu tư trước khi có GPKT
2	Công ty TNHH lúa gạo Đăng Thy	Nhà máy xay xát và sấy lúa	Tân Đông	1.810	1.070	QĐ số 1009/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
3	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	Nhà máy xay xát và sấy lúa	Tân Đông	8.200	8.200	QĐ số 1726/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
XIII	Huyện Thủ Thừa			1.800	1.800		
1	Công ty CP ĐT XD Dầu khí IDICO	Nâng cấp Đường tỉnh 818 (đoạn từ QL 1 đến TT Thủ Thừa)	TT Thủ Thừa, Nhị Thành	1.800	1.800	CV số 1897/UBND-KT ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
XIV	Huyện Vĩnh Hưng			0.200	0.200		
1	UBND huyện	Máng thoát nước trạm bơm phụ TT Vĩnh Hưng	Vĩnh Trị	0.200	0.200	QĐ số 3126/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh	Chưa triển khai
TỔNG				200.533	100.531		

Phụ lục II

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT TRONG NĂM 2018 CỦA TỈNH LONG AN

(Kèm theo Tờ trình số 59 /TTr-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh)

STT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng thêm (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng kinh phí cho việc bồi thường, GPMB (tỷ đồng)	Nguồn vốn (*)
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Thành phố Tân An	32.350	0.690	31.200		359.750	
1	Trụ sở UBND phường Khánh Hậu	1.500		1.500	Khánh Hậu	5.000	Thành phố
2	Đường cấp trường tiểu học Nhơn Thạnh Trung	0.890	0.690	0.200	Nhơn Thạnh Trung	0.250	Thành phố
3	Kè kênh Vành đai	0.460			Phường 3	4.500	Thành phố
4	Khu dân cư - Công ty CP ĐT HT KCN và ĐT Long An	10.000		10.000	Lợi Bình Nhơn	50.000	Doanh nghiệp
5	Khu dân cư - Công CP Tập đoàn Địa ốc Cát Tường	19.500		19.500	Phường 4, 6	300.000	Doanh nghiệp
II	Thị xã Kiến Tường	2.800	0.000	2.800		5.900	
1	Đường cấp trường THPT Kiến Tường	0.690		0.690	Phường 1	2.100	Thị xã
2	Mở rộng chốt dân quân xã Bình Hiệp	1.000		1.000	Bình Hiệp	0.800	Thị xã
3	Mở rộng chốt dân quân xã Thạnh Trị	1.100		1.100	Thạnh Trị	0.500	Thị xã
4	Mở rộng đường Phạm Văn Giáo	0.010		0.010	Phường 1	2.500	Thị xã
III	Huyện Bến Lức	355.571	0.000	3.874		57.000	
1	Các lộ ra 110KV trạm biến áp 220KV	0.421		0.421	Nhựt Chánh, Thạnh Đức	20.000	Ngành điện

2	Khu đô thị mới Vàm Cỏ Đông - Công ty Cổ phần Nam Long	355.150		3.453	An Thạnh	37.000	Doanh nghiệp
IV	Huyện Cần Đước	1.200	0.000	1.200		2.400	
1	Đường giao thông đoạn từ Bến phà Long Cang đến ĐT 830B (dự án nâng cấp ĐT 833B)	0.400		0.400	Long Cang	0.800	Vận động
2	Mở rộng trường Mẫu giáo Long Định	0.800		0.800	Long Định	1.600	Huyện
V	Huyện Cần Giuộc	75.500	0.000	75.500		477.150	
1	Đường tỉnh 830 (đoạn từ Tân Tập - Long Hậu)	75.500		75.500	Tân Tập, Phước Vĩnh Đông, Phước Vĩnh Tây, Phước Lại	477.150	Doanh nghiệp
VI	Huyện Châu Thành	9.350	0.000	9.350		64.710	
1	Khu dân cư, chỉnh trang đô thị TT Tầm Vu	9.350		9.350	TT Tầm Vu, Hiệp Thạnh	64.710	TT PT QĐ
VII	Huyện Đức Hòa	157.620	0.000	157.620		820.400	
1	Trạm Biến áp 110KV (Amic)	0.42		0.42	Đức Lập Hạ	4.20	Ngành điện
2	Trạm Biến áp 110KV (Tân Đô)	0.38		0.38	Đức Hòa Hạ	3.80	Ngành điện
3	Cụm công nghiệp Đức Hòa Đông	1.74		1.74	Đức Hòa Đông	17.40	Doanh nghiệp
4	Mở rộng dự án chợ, cửa hàng dịch vụ, nhà phố chung cư cát tường	18.50		18.50	Mỹ Hạnh Nam	92.50	Doanh nghiệp
5	Khu chợ và nhà ở liên kế (Toàn Gia Tiến)	2.80		2.80	Đức Hòa Đông	28.00	Doanh nghiệp
6	Điểm dân cư đô thị (Trần Bội anh)	1.05		1.05	TT Đức Hòa	10.00	Doanh nghiệp
7	Khu dân cư (ông Võ Tấn Tài)	2.91		2.91	TT Đức Hòa	15.00	Doanh nghiệp

8	Khu nhà ở công nhân - Công ty BT Thủ Thừa - Bình Thành	15.10		15.10	Đức Lập Hạ	75.00	Doanh nghiệp
9	Khu dân cư - Công ty CP BĐS Hiền Vinh Long An	3.50		3.50	Đức Hòa Đông	17.50	Doanh nghiệp
10	Khu dân cư, tái định cư, nhà ở Công nhân Hải Sơn - Công ty TNHH Hải Sơn	60.00		60.00	Hựu Thạnh	300.00	Doanh nghiệp
11	Khu dân cư Đức Phú Thịnh - Công ty CP XD - TM - DV Đức Phú Thịnh	2.22		2.22	Đức Lập Hạ	12.00	Doanh nghiệp
12	Cụm công nghiệp Thịnh Hưng Group	49.00		49.00	Hòa Khánh Đông, Đức Hòa Thượng	245.00	Doanh nghiệp
VIII	Huyện Đức Huệ	5.170	0.000	5.170	0.000	2.000	
1	Đường tuần tra Biên giới tỉnh Long An	4.55		4.55	Mỹ Quý Đông	1.00	TW
2	Đường Điện 500 KV Sông Hậu - Đức Hòa	0.62		0.62	Bình Hòa Nam	1.00	Ngành điện
IX	Huyện Mộc Hóa	0.081	0.000	0.081		0.320	
1	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Bình Tây 2	0.019		0.019	Bình Hòa Tây	0.150	Huyện
2	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Hòa Hiệp	0.063		0.063	Bình Hòa Tây	0.170	Huyện
X	Huyện Tân Hưng	18.174	0.000	18.174		11.800	
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân liên xã Vĩnh Đại - Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu A	4.159		4.159	Vĩnh Đại, Vĩnh Lợi	2.500	Huyện
2	Mở rộng khu dân cư dành cho các hộ dân kinh doanh có điều kiện	9.015		9.015	Vĩnh Thạnh, TT Tân Hưng	6.000	Huyện
3	Thiết chế thể thao Vĩnh Châu B (Sân bóng đá)	2.000		2.000	Vĩnh Châu B	1.300	Huyện

4	Thiết chế thể thao Vĩnh Châu A (Sân bóng đá)	1.500		1.500	Vĩnh Châu A	1.000	Huyện
5	Thiết chế thể thao Vĩnh Đại (Sân bóng đá)	1.500		1.500	Vĩnh Đại	1.000	Huyện
XI	Huyện Tân Thạnh	4.170	0.490	3.680		1.900	
1	Mở rộng Trường mầm non Nhơn Hòa Lập	0.560	0.210	0.350	Nhơn Hòa Lập	0.120	Huyện
2	Mở rộng Trường Tiểu học Nhơn Hòa Lập A	0.510	0.280	0.230	Nhơn Hòa Lập	0.820	Huyện
3	Xây dựng mới Trường trung học phổ thông Hậu Thạnh Đông	3.100		3.100	Hậu Thạnh Đông	0.960	Huyện
XII	Huyện Thủ Thừa	8.100	6.300	1.800		29.300	
1	Nâng cấp Đường tỉnh 818 (đoạn từ QL 1 đến TT Thủ Thừa)	8.10	6.3	1.80	TT Thủ Thừa, Nhị Thành	29.300	Tỉnh (19,3 tỷ đồng), Doanh nghiệp (10 tỷ đồng)
XIII	Huyện Vĩnh Hưng	0.640	0.000	0.640		4.600	
1	Đường dự phóng bể bơi TT Vĩnh Hưng	0.040		0.040	TT Vĩnh Hưng	1.500	Huyện
2	Mở rộng Trạm xử lý nước thải tập trung tại TT Vĩnh Hưng	0.100		0.100	TT Vĩnh Hưng	0.500	Huyện
3	Máng thoát nước trạm bơm phụ TT Vĩnh Hưng	0.200		0.200	Vĩnh Trị	0.100	Huyện
4	Quy hoạch bố trí dân cư cấp Đường tỉnh 831 (đoạn từ cầu rạch Tà Me đến kho phân Bầy Trường)	0.300		0.300	Vĩnh Bình	2.500	Huyện
TỔNG		670.726	7.480	311.089		1837.230	

Phụ lục III

Tổng kinh phí dành cho bồi thường giải phóng mặt bằng trong năm 2018 của tỉnh Long An
(kèm theo Tờ trình số 59 /TTr-UBND ngày 12/6/2018 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Cấp huyện	Tổng	Ngân sách	TW	Tỉnh	Huyện	Vận động và xã hội hóa
(1)	(2)	(3)=(4)+(8)	(4)=(5)+(6)+(7)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Thành phố Tân An	359.750	9.750			9.750	350.000
2	Thị xã Kiến Tường	5.900	5.900			5.900	
3	Huyện Bến Lức	57.000					57.000
4	Huyện Cần Đước	2.400	1.600			1.600	0.800
5	Huyện Cần Giuộc	477.150					477.150
6	Huyện Châu Thành	64.710					64.710
7	Huyện Đức Hòa	820.400					820.400
8	Huyện Đức Huệ	2.000	1.000	1.000			1.000
9	Huyện Mộc Hóa	0.320	0.320			0.320	
10	Huyện Tân Hưng	11.800	11.800			11.800	
11	Huyện Tân Thạnh	1.900	1.900			1.900	
12	Huyện Thủ Thừa	29.300	19.300		19.300		10.000
13	Huyện Vĩnh Hưng	4.600	4.600			4.600	
Tổng		1,837.230	56.170	1.000	19.300	35.870	1,781.060

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

Số: /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Long An, ngày tháng năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Long An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Sau khi xem xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../.../2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua bổ sung danh mục dự án chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp và danh mục các dự án cần thu hồi đất trong năm 2018 trên địa bàn tỉnh Long An, cụ thể như sau:

1. Danh mục chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp với diện tích là **100,531 ha** để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Long An (Chi tiết có Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục dự án cần thu hồi đất và mức vốn ngân sách nhà nước cấp cho việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh Long An trong năm 2018, như sau:

- Tổng diện tích đất thu hồi: **311,089 ha**.

- Mức vốn ngân sách nhà nước cấp: **56,170 tỷ đồng** (nguồn vốn TW là

1,000 tỷ đồng; tỉnh là 19,300 tỷ đồng; huyện là 35,870 tỷ đồng).

(Chi tiết có Phụ lục II, III kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khoá IX, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày ... /.... /2018 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ QH;
- Chính phủ;
- VP.QH, VP.CP (TP. HCM);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường ;
- TT.Tỉnh ủy;
- UBND tỉnh, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND khóa IX;
- Thủ trưởng các Sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

NQ THU HOI DAT-VON GPMB CAC DA 7-2018

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Rạnh

STT	Tên Cá nhân, tổ chức	Dự án đầu tư	Xã, TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	QĐ chủ trương đầu tư
2	Công ty Cổ phần Nam Long	Khu đô thị mới Vàm Cỏ Đông	An Thạnh	3.453	3.453	CV số 3821/UBND-KT ngày 20/9/2004; CV số 2892/UBND-KT ngày 18/7/2005 và CV số 3426/UBND-KT ngày 14/10/2011 của UBND tỉnh
3	Công ty TNHH ĐT và XD Phúc Long	Khu Công nghiệp Phúc Long	Long Hiệp	0.275	0.275	CV số 794/UBND-KT ngày 23/3/2009 của UBND tỉnh
IV	Huyện Cần Đước			14.537	13.527	
1	Công ty TNHH Nhật Nam Ô tô	Trung tâm thương mại- dịch vụ	TT Cần Đước	1.490	1.400	QĐ số 738/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh
2	Công ty TNHH SX TM nhựa Cẩm Thành	Khu trưng bày sản phẩm; kho vận LoGistics	Tân Trạch - Mỹ Lệ	10.000	9.500	QĐ số 1646/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 của UBND tỉnh
3	Mở rộng trường Tiểu học Tân Chánh 1	Trường học	Tân Chánh	0.670	0.600	QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện
4	Mở rộng trường Mẫu giáo Tân Trạch	Trường học	Tân Trạch	0.117	0.117	QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện
5	Mở rộng trường Mẫu giáo Long Định	Trường học	Long Định	0.800	0.650	QĐ số 3037/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của UBND huyện
6	Trường Trung học cơ sở Mỹ Lệ	Trường học	Mỹ Lệ	0.891	0.891	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ
7	Đàn Chiêu Minh thị trấn Cần Đước	Cơ sở tôn giáo	TT Cần Đước	0.170	0.170	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ
8	Đường giao thông đoạn từ Bến phà Long Cang đến ĐT 830B (dự án nâng cấp ĐT 833B)	Đường giao thông	Long Cang	0.400	0.200	QĐ 1223/QĐ-UBND ngày 16/4/2018 của UBND tỉnh
V	Huyện Cần Giuộc			2.085	1.520	
1	Công ty CP khai thác và quản lý KCN Đặng Quỳnh	Khu tái định cư	Tân Kim	0.968	0.968	CV số 1899/UBND-KT ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh

STT	Tên Cá nhân, tổ chức	Dự án đầu tư	Xã, TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	QĐ chủ trương đầu tư
2	Trường THCS Nguyễn Văn Chính	Trường học	Phước Lý	0.431	0.431	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ
3	Thiền viện Bửu Minh	Cơ sở tôn giáo	Phước Lý	0.250	0.027	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ
4	Chùa Bồ Đề	Cơ sở tôn giáo	Tân Kim	0.436	0.094	Đã xây dựng đưa vào sử dụng, bổ sung hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ
VI	Huyện Châu Thành			10.824	10.606	
1	Nhà kho chứa thanh long Nguyễn Thị Cội	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Thanh Phú Long	0.043	0.001	QĐ 3000/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 UBND tỉnh
2	Cơ sở thu mua thanh long Thanh Châu 2	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Hiệp Thạnh	0.081	0.081	QĐ 2577/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 UBND tỉnh
3	Cơ sở thu mua thanh long Rạng Đông	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Phú Ngãi Trị	0.272	0.272	QĐ 2060/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 UBND tỉnh
4	Kho mua bán trái thanh long Hà Trung Thuận	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Long Trị	0.300	0.300	QĐ 3388/QĐ-UBND ngày 14/9/2017 UBND tỉnh
5	Cơ sở thu mua thanh long Hưng Đạt	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Xã Long Trị	0.091	0.091	QĐ 3269/QĐ-UBND ngày 05/9/2017 UBND tỉnh
6	Cơ sở thu mua và đóng gói thanh long Nguyễn Văn Lý	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Thanh Phú Long	0.448	0.271	QĐ 746/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 UBND tỉnh
7	Cơ sở thu mua thanh long Hòa Thuận	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Dương Xuân Hội	0.139	0.139	QĐ 740/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 UBND tỉnh
8	Cơ sở thu mua thanh long Đoàn Thị Ngon	Mua bán, gia công, đóng gói thanh long	Hiệp Thạnh	0.101	0.101	QĐ 739/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 UBND tỉnh
9	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh	Khu dân cư, chỉnh trang đô thị TT Tâm Vu	TT Tâm Vu, Hiệp Thạnh	9.350	9.350	CV số 4821/UBND-KT ngày 20/10/2017 UBND tỉnh
VII	Huyện Đức Hòa			62.740	19.188	
1	Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	Cụm Công nghiệp	Đức Hòa Đông	1.740	0.660	QĐ số 4733/QĐ-UBND ngày 10/11/2016 của UBND tỉnh

STT	Tên Cá nhân, tổ chức	Dự án đầu tư	Xã, TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	QĐ chủ trương đầu tư
2	Công ty CP BĐS Hiền Vinh Long An	Khu dân cư	Đức Hòa Đông	3.500	3.200	QĐ số 3999/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh
3	Công ty CP đầu tư Amic	Khu công nghiệp	Mỹ Hạnh Bắc	19.990	0.520	CV số 703/CV-UB ngày 20/02/2004 của UBND tỉnh (diện tích 301 ha)
4	Trần Bội Anh	Khu dân cư	TT Đức Hòa	1.050	1.050	QĐ số 4346/QĐ-UBND ngày 25/10/2016 của UBND tỉnh
5	Ông Võ Tấn Tài	Khu dân cư	TT Đức Hòa	2.910	2.700	QĐ số 4135/QĐ-UBND ngày 15/11/2017 của UBND tỉnh
6	Công ty TNHH DVTM BĐS Lâm Thành	Cửa hàng kinh doanh thiết bị công nghiệp	Hựu Thạnh	0.650	0.650	QĐ số 3568/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của UBND tỉnh
7	Công ty CP địa ốc Hồng Phát	KDC cao cấp + Trường đua ngựa	Đức Lập Thượng	15.300	3.650	CV số 1551/CV-UB ngày 22/04/2003 của UBND tỉnh
8	Công ty TNHH đầu tư phát triển Long An Tiên Cảnh	Nghĩa trang	Mỹ Hạnh Bắc	5.000	0.400	QĐ số 5139/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh
9	Công ty TNHH CN TM Tường Phong	Mở rộng nhà xưởng sản xuất đinh, ốc vít, đế giày, lắp ráp xe máy	Đức Hòa Hạ	6.000	0.358	QĐ số 4724/QĐ-UBND ngày 09/11/2016 của UBND tỉnh
10	Công ty CP ĐT Quốc tế C.S.Q	Khai thác đất san lấp	Tân Mỹ	6.600	6.000	GPKT số 03/GP-UBND ngày 11/01/2018
VIII	Huyện Đức Huệ			44.440	4.210	
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đạt Thành Long An	Khai thác khoáng sản sét gạch ngói	Mỹ Thạnh Tây	37.000	1.800	GPKT số 2338/GP-UBND ngày 22/7/2011 của UBND tỉnh
2	Công ty TNHH Đại Đại Thành Phát	Khai thác khoáng sản đất san lấp	Mỹ Thạnh Đông	7.440	2.410	GPKT số 156/GP-UBND ngày 14/01/2015 của UBND tỉnh
IX	Huyện Mộc Hóa			0.063	0.063	

STT	Tên Cá nhân, tổ chức	Dự án đầu tư	Xã, TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	QĐ chủ trương đầu tư
1	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp Hòa Hiệp	Nhà văn hóa - khu thể thao ấp	Bình Hòa Tây	0.063	0.063	Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 11/10/2017 của UBND huyện Mộc Hóa
X	Huyện Tân Hưng			17.813	13.313	
1	UBND huyện Tân Hưng	Đê lộ bờ Tây ấp 1/5 xã Vĩnh Châu A	Vĩnh Châu A	0.251	0.251	QĐ số 1494/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND huyện
2	UBND huyện Tân Hưng	Đường Tuần tra biên giới tỉnh Long An giai đoạn 2017-2020 huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Đức Huệ và thị xã Kiến Tường (đoạn xã Hưng Điền, huyện Tân Hưng)	Hưng Điền	0.888	0.267	QĐ số 1433/QĐ-UBND ngày 03/5/2018 của UBND tỉnh
3	UBND huyện Tân Hưng	Đất thiết chế thể thao Vĩnh Châu B (Sân bóng đá)	Vĩnh Châu B	2.000	2.000	QĐ số 423/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện
4	UBND huyện Tân Hưng	Đất thiết chế thể thao Vĩnh Đại (Sân bóng đá)	Vĩnh Đại	1.500	1.500	QĐ số 416/QĐ-UBND ngày 18/4/2018 của UBND huyện
5	UBND huyện Tân Hưng	Mở rộng nghĩa trang nhân dân liên xã Vĩnh Đại - Vĩnh Lợi - Vĩnh Châu A	Vĩnh Đại, Vĩnh Lợi	4.159	4.159	QĐ số 421/QĐ-UBND ngày 19/4/2018 của UBND huyện
6	UBND huyện Tân Hưng	Mở rộng khu dân cư dành cho các hộ dân kinh doanh có điều kiện	Vĩnh Thạnh, TT Tân Hưng	9.015	5.135	QĐ số 422/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND huyện
XI	Huyện Tân Thạnh			3.333	3.333	

STT	Tên Cá nhân, tổ chức	Dự án đầu tư	Xã, TT	Tổng diện tích (ha)	Diện tích đất lúa (ha)	QĐ chủ trương đầu tư
1	Trường trung học phổ thông Hậu Thạnh Đông	Xây dựng mới Trường THPT Hậu Thạnh Đông	Hậu Thạnh Đông	3.100	3.100	CV số 5065/UBND-KT ngày 07/11/2017 của UBND tỉnh
2	Trường Tiểu học Nhơn Hòa Lập A	Mở rộng Trường Tiểu học Nhơn Hòa Lập A	Nhơn Hòa Lập	0.233	0.233	QĐ số 123/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của UBND huyện
XII	Huyện Thạnh Hóa			24.010	14.970	
1	DNTN XD Thu Ngân	Khai thác đất san lấp và sét gạch ngói	Thạnh An	14.000	5.700	QĐ số 3817/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh
2	Công ty TNHH lúa gạo Đăng Thy	Nhà máy xay xát và sấy lúa	Tân Đông	1.810	1.070	QĐ số 1009/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh
3	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	Nhà máy xay xát và sấy lúa	Tân Đông	8.200	8.200	QĐ số 1726/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 của UBND tỉnh
XIII	Huyện Thủ Thừa			1.800	1.800	
1	Công ty CP ĐT XD Dầu khí IDICO	Nâng cấp Đường tỉnh 818 (đoạn từ QL 1 đến TT Thủ Thừa)	TT Thủ Thừa, Nhị Thành	1.800	1.800	CV số 1897/UBND-KT ngày 11/5/2018 của UBND tỉnh
XIV	Huyện Vĩnh Hưng			0.200	0.200	
1	UBND huyện	Máng thoát nước trạm bơm phụ TT Vĩnh Hưng	Vĩnh Trị	0.200	0.200	QĐ số 3126/QĐ-UBND ngày 24/8/2017 của UBND tỉnh
TỔNG				200.533	100.531	